

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 56 /TTr-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 7 năm 2015

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua Đề án “Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hóa có mạng lưới trường lớp đa dạng và đồng bộ. Năm học 2014-2015, toàn tỉnh có 2121 trường từ bậc học mầm non đến bậc học THPT, cụ thể có 659 trường mầm non, 708 trường tiểu học, 633 trường trung học cơ sở, 14 trường tiểu học và trung học cơ sở, 06 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, 101 trường trung học phổ thông. Cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và từng bước hiện đại hóa. Đến hết năm 2014, tỷ lệ số phòng học kiên cố, cao tầng của toàn tỉnh đạt 86,74%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 49,17% (tổng số có 1044/2121 trường, trong đó: 273 trường mầm non; 521 trường tiểu học; 237 trường THCS; 16 trường THPT). Công tác xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng học tập của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, mạng lưới trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học của tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là: Một số trường mầm non, trường tiểu học ở khu vực miền núi còn nhiều khu lẻ, cơ sở vật chất không đảm bảo cho việc dạy và học; số trường tiểu học, THCS có quy mô nhỏ (hạng 2, hạng 3) còn lớn; toàn tỉnh hiện có 120/708 trường tiểu học có quy mô dưới 9 lớp và 188/633 trường THCS có quy mô dưới 8 lớp, gây khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí giáo viên, nhất là trong hoạt động chuyên môn, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Nguyên nhân của tình trạng nêu trên là do giảm dần quy mô dân số dẫn đến số học sinh, số lớp hầu hết ở các nhà trường đều giảm, có nơi giảm mạnh, cụ thể là: Năm học 2010-2011, số học sinh mầm non và phổ thông trong toàn tỉnh là 739.901 em với 26.503 lớp đến năm học 2014-2015 số học sinh mầm non và phổ thông còn 716.936 em với 25.078 lớp, giảm 19.965 học sinh và 1.425 lớp; một số trường học từ hạng 1 do số lớp giảm nên tụt xuống hạng 2 và hạng 3.

Để sử dụng cơ sở vật chất trường học tiết kiệm, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thì việc sắp xếp lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh là cần thiết; căn cứ quy

định của pháp luật và tình hình thực tế, UBND tỉnh xây dựng Đề án “ Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, với các nội dung chủ yếu như sau:

## **1. Mục tiêu**

Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực, cơ sở vật chất đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

## **2. Định hướng và lộ trình thực hiện đến năm 2020.**

### *2.1. Định hướng*

- Phải căn cứ vào số lượng học sinh, số lớp của các trường học nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và cơ sở vật chất hiện có; khuyến khích sắp xếp theo hướng trường có nhiều cấp học, không quá chú trọng về địa giới hành chính;

- Đối với trường học ở khu vực miền núi, việc sắp xếp phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm dân cư, phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc và điều kiện của địa phương;

- Đối với bậc giáo dục mầm non: Ổn định mạng lưới trường mầm non như hiện nay, đáp ứng mỗi xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) bố trí 01 trường mầm non công lập;

- Đối với bậc giáo dục tiểu học: Mỗi xã bố trí 01 trường công lập có từ 10 lớp trở lên; các trường có dưới 10 lớp thì xem xét ghép với trường THCS trên cùng địa bàn xã; các xã có 02 đến 03 trường tiểu học thì xem xét sáp nhập thành một trường, nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên... và thuận lợi nhất cho học sinh đi học;

- Đối với bậc trung học cơ sở: Giữ ổn định như hiện nay đối với các trường có quy mô từ 08 lớp trở lên; các trường có quy mô dưới 8 lớp xem xét để ghép với trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, hoặc có thể xem xét sáp nhập theo mô hình liên xã đối với những nơi có điều kiện thuận lợi và được sự đồng thuận của nhân dân;

### *2.2. Lộ trình thực hiện.*

Trên cơ sở định hướng và tình hình thực tiễn trường, lớp của các địa phương, UBND tỉnh xác định lộ trình sắp xếp các trường mầm non, phổ thông hiện có đến năm 2020 như sau:

a) Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học:

Đến năm 2020 tổng số trường học từ bậc mầm non đến bậc trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh còn 1898 trường, giảm 122 trường so với năm 2014, cụ thể là:

- Trường mầm non: Giữ nguyên 659 trường;

- Trường tiểu học: Từ 708 trường năm 2014, giảm 92 trường, còn 616 trường năm 2020;

- Trường THCS: Từ 633 trường năm 2014, giảm 90 trường, còn 543 trường năm 2020;

- Trường Tiểu học và THCS: Từ 14 trường năm 2014, tăng 59 trường, lên 73 trường năm 2020 (do ghép trường tiểu học với trường THCS thành trường 2 cấp học TH&THCS);

- Trường THCS và THPT: Từ 06 trường năm 2014, tăng 01 trường, lên 07 trường năm 2020 (do ghép trường THCS với trường THPT);

Số lượng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn toàn tỉnh được sắp xếp theo lộ trình hằng năm như sau:

| Năm<br>Loại trường | Số lượng các trường mầm non, phổ thông sắp xếp theo năm |             |             |             |             |             |
|--------------------|---|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                    | Năm 2015  | Năm 2016    | Năm 2017    | Năm 2018    | Năm 2019    | Năm 2020    |
| Mầm non            | 659   | 659         | 659         | 659         | 659         | 659         |
| Tiểu học           | 699   | 678         | 656         | 641         | 631         | 616         |
| THCS               | 627   | 611         | 591         | 571         | 558         | 543         |
| TH&THCS            | 20  | 30          | 43          | 55          | 63          | 73          |
| THCS&THPT          | 06  | 06          | 06          | 07          | 07          | 07          |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>2011</b>   | <b>1984</b> | <b>1955</b> | <b>1933</b> | <b>1918</b> | <b>1898</b> |

(Chi tiết việc ghép hoặc sáp nhập và số lượng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học của huyện, thị xã, thành phố đến năm 2020 tại phụ lục kèm theo)

b) Đối với các trường trung học phổ thông: Hiện nay, toàn tỉnh có 101 trường THPT; một số huyện, thị xã, thành phố có số lượng trường THPT lớn, khoảng cách gần nhau; một số trường THPT bán công trước đây chuyển sang công lập, việc đầu tư cơ sở vật chất chưa đồng bộ theo chuẩn quốc gia.

Để sắp xếp lại các trường THPT một cách hợp lý, phù hợp với tình hình của từng địa phương; đồng thời tập trung được nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh đồng ý chủ trương giao cho UBND tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp các trường THPT hiện có trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trình HĐND tỉnh vào kỳ họp tới.

### **3. Các giải pháp thực hiện**

Để triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án, UBND tỉnh chỉ đạo tập trung làm tốt các giải pháp trọng tâm sau:

- Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và phụ huynh học sinh;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, các cấp tăng cường công tác quản lý giáo dục, nhất là các hoạt động chuyên môn tại các nhà trường, đặc biệt là các trường mới ghép có nhiều cấp học hoặc sáp nhập liên xã để nâng cao chất lượng giáo dục:

- + Đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở mới ghép hoặc sáp nhập nếu chưa đảm bảo điều kiện cho việc học tập trung tại một địa điểm thì vẫn tiến hành dạy học ở các địa điểm cũ, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy, đảm bảo đủ số môn, số tiết học theo quy định;

- + Đối với các trường THCS ghép với các trường THPT: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện bố trí, điều tiết đội ngũ giáo viên của các nhà trường theo quy định của pháp luật, đảm bảo đủ giáo viên đối với từng bộ môn; tránh tình trạng thừa, thiếu về cơ cấu;

- Tiếp tục sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính giữa các nhà trường trong từng cấp học theo Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục;

- Tăng cường quản lý, sử dụng nhằm phát huy hiệu quả cao nhất cơ sở vật chất đã được đầu tư cho ngành giáo dục, theo hướng:

- + Đối với những xã có 2 trường tiểu học hoặc trường tiểu học không sử dụng hết số phòng học, có thể bố trí để trường mầm non sử dụng;

- + Hạn chế việc huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng mới. Đối với một số trường THPT đã có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh nhưng chưa triển khai thực hiện, nay tạm dừng xây dựng;

- + Đối với các trường sáp nhập hoặc ghép đã có một cấp học đạt chuẩn quốc gia, các cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục quan tâm đầu tư bổ sung, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị để cấp học còn lại được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

### **4. Tổ chức thực hiện**

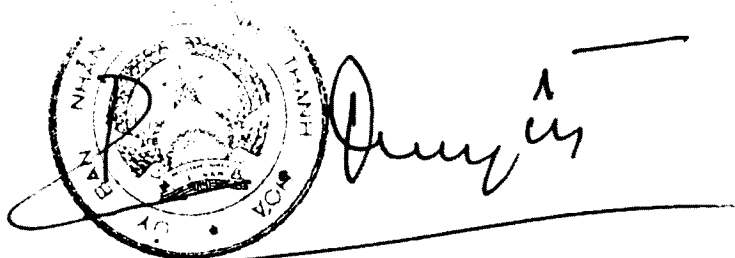
Sau khi Đề án “Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020” được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo, giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp Đề án đề ra, đảm bảo việc sắp xếp các trường, lớp học theo đúng, kế hoạch và lộ trình, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là nội dung chủ yếu của Đề án “Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020” (có Đề án gửi kèm theo), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, **VX**.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

The image shows the official seal of the Provincial People's Committee of Thanh Hoa province, which is circular and contains the text "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ" and "1945". To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

**Phạm Đăng Quyền**

Phụ lục:

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ  
VÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ NHIỀU CẤP HỌC GHÉP HOẶC SÁP NHẬP VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TRƯỜNG  
CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Tờ trình số: 56 /TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

| T<br>T | HUYỆN     | NAM  | DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG GHÉP HOẶC SÁP<br>NHẬP | SỐ TRƯỜNG SAU SẮP XẾP |            |          |      |             |               |
|--------|-----------|------|--|-----------------------|------------|----------|------|-------------|---------------|
|        |           |      |  | Tổng<br>số            | Mầm<br>non | Tiểu học | THCS | TH&<br>THCS | THCS&<br>THPT |
| 1      | Mường Lát | 2015 |  | 30                    | 9          | 11       | 9    | 1           | 0             |
|        |           | 2016 |  | 30                    | 9          | 11       | 9    | 1           | 0             |
|        |           | 2017 |  | 30                    | 9          | 11       | 9    | 1           | 0             |
|        |           | 2018 |  | 30                    | 9          | 11       | 9    | 1           | 0             |
|        |           | 2019 |  | 30                    | 9          | 11       | 9    | 1           | 0             |
|        |           | 2020 |  | 30                    | 9          | 11       | 9    | 1           | 0             |
| 2      | Quan Sơn  | 2015 |  | 41                    | 14         | 13       | 13   | 1           | 0             |
|        |           | 2016 |  | 41                    | 14         | 13       | 13   | 1           | 0             |
|        |           | 2017 |  | 41                    | 14         | 13       | 13   | 1           | 0             |
|        |           | 2018 |  | 41                    | 14         | 13       | 13   | 1           | 0             |
|        |           | 2019 |  | 41                    | 14         | 13       | 13   | 1           | 0             |
|        |           | 2020 |  | 41                    | 14         | 13       | 13   | 1           | 0             |
| 3      | Quan Hoá  | 2015 |  | 53                    | 18         | 18       | 16   | 0           | 1             |
|        |           | 2016 |  | 53                    | 18         | 18       | 16   | 0           | 1             |
|        |           | 2017 |  | 53                    | 18         | 18       | 16   | 0           | 1             |
|        |           | 2018 |  | 53                    | 18         | 18       | 16   | 0           | 1             |

|   |            |      |  |    |    |    |    |   |   |
|---|------------|------|--|----|----|----|----|---|---|
|   |            | 2019 |  | 53 | 18 | 18 | 16 | 0 | 1 |
|   |            | 2020 |  | 53 | 18 | 18 | 16 | 0 | 1 |
| 4 | Bá Thước   | 2015 |  | 80 | 24 | 31 | 24 | 1 | 0 |
|   |            | 2016 | Sáp nhập hai trường Tiểu học liên xã, gồm Ban Công với Ban Thiết.  | 79 | 24 | 30 | 24 | 1 | 0 |
|   |            | 2017 |  | 79 | 24 | 30 | 24 | 1 | 0 |
|   |            | 2018 | Sáp nhập hai trường Tiểu học trên cùng địa bàn xã Điền Lư 1 với Điền Lư 2  | 78 | 24 | 29 | 24 | 1 | 0 |
|   |            | 2019 | Sáp nhập hai trường Tiểu học trên cùng địa bàn xã, Điền Quang 1 với Điền Quang 2   | 77 | 24 | 28 | 24 | 1 | 0 |
|   |            | 2020 | - Sáp nhập hai trường Tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm Thiết Ông 1 với Thiết Ông 2, Lũng Cao 1 với Lũng Cao 2, Điền Trung 1 với Điền Trung 2, Lương Trung 1 với Lương Trung 2.<br>- Sáp nhập trường THCS liên xã Lũng Cao với Cao Sơn. | 72 | 24 | 24 | 23 | 1 | 0 |
|   |            |      |  |    |    |    |    |   |   |
| 5 | Lang Chánh | 2015 |  | 38 | 11 | 15 | 12 | 0 | 0 |
|   |            | 2016 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm: Tân Phúc 1 với Tân Phúc 2; Giao Thiện 1 với Giao Thiện 2.  | 36 | 11 | 13 | 12 | 0 | 0 |
|   |            | 2017 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm Yên Thắng 1 với Yên Thắng 2; Yên Khương 1 với Yên Khương 2.<br>+Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Trí Nang.   | 33 | 11 | 10 | 11 | 1 | 0 |
|   |            | 2018 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Giao An.   | 32 | 11 | 9  | 10 | 2 | 0 |
|   |            | 2019 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Tam Văn.   | 31 | 11 | 8  | 9  | 3 | 0 |
|   |            | 2020 |  | 31 | 11 | 8  | 9  | 3 | 0 |
|   |            |      |  |    |    |    |    |   |   |
| 6 | Ngọc Lặc   | 2015 |  | 84 | 24 | 35 | 24 | 1 | 0 |

|   |             |      |   |    |    |    |    |   |   |
|---|-------------|------|---|----|----|----|----|---|---|
|   |             | 2016 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm: Cao Ngọc 1 với Cao Ngọc 2; Kiên Thọ 2 với Kiên Thọ 3. | 82 | 24 | 33 | 24 | 1 | 0 |
|   |             | 2017 | Sáp nhập hai trường Tiểu học Nguyệt Ân 2 với Tiểu học Sông Âm.  | 81 | 24 | 32 | 24 | 1 | 0 |
|   |             | 2018 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm: Minh Tiến 1 với Minh Tiến 2, Mỹ Tân 1 với Mỹ Tân 2    | 79 | 24 | 30 | 24 | 1 | 0 |
|   |             | 2019 | Sáp nhập hai trường Tiểu học trên cùng địa bàn xã, Quang Trung 1 với Quang Trung 2.                           | 78 | 24 | 29 | 24 | 1 | 0 |
|   |             | 2020 |   | 78 | 24 | 29 | 24 | 1 | 0 |
| 7 | Như Xuân    | 2015 |   | 51 | 18 | 14 | 15 | 4 | 0 |
|   |             | 2016 |   | 51 | 18 | 14 | 15 | 4 | 0 |
|   |             | 2017 |   | 51 | 18 | 14 | 15 | 4 | 0 |
|   |             | 2018 |   | 51 | 18 | 14 | 15 | 4 | 0 |
|   |             | 2019 |   | 51 | 18 | 14 | 15 | 4 | 0 |
|   |             | 2020 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn 4 xã, gồm: Bình Lương, Xuân Quý, Thanh Xuân, Cát Tân.  | 47 | 18 | 10 | 11 | 8 | 0 |
| 8 | Thường Xuân | 2015 |   | 62 | 18 | 26 | 18 | 0 | 0 |
|   |             | 2016 |   | 62 | 18 | 26 | 18 | 0 | 0 |
|   |             | 2017 |   | 62 | 18 | 26 | 18 | 0 | 0 |
|   |             | 2018 |   | 62 | 18 | 26 | 18 | 0 | 0 |
|   |             | 2019 |   | 62 | 18 | 26 | 18 | 0 | 0 |
|   |             | 2020 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã gồm: Vạn Xuân 1 với Vạn Xuân 2                              | 61 | 18 | 25 | 18 | 0 | 0 |
| 9 | Như Thanh   | 2015 |   | 52 | 17 | 17 | 15 | 2 | 1 |
|   |             | 2016 |   | 52 | 17 | 17 | 15 | 2 | 1 |



|    |             |      |   |    |    |    |    |   |   |
|----|-------------|------|---|----|----|----|----|---|---|
|    |             | 2017 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Hải Vân.  | 51 | 17 | 16 | 14 | 3 | 1 |
|    |             | 2018 |   | 51 | 17 | 16 | 14 | 3 | 1 |
|    |             | 2019 |   | 51 | 17 | 16 | 14 | 3 | 1 |
|    |             | 2020 |   | 51 | 17 | 16 | 14 | 3 | 1 |
| 10 | Thạch Thành | 2015 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm: Thành Kim với Thành Kim 2; Thành Trục với Thành Trục 2.                               | 93 | 29 | 35 | 29 | 0 | 0 |
|    |             | 2016 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm Thạch Cẩm 1 với Thạch Cẩm 3.   | 92 | 29 | 34 | 29 | 0 | 0 |
|    |             | 2017 | Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm Thạch Đồng 1 với Thạch Đồng 2; Thạch Bình với Thạch Bình 2, Thành Tân với Thành Tân 2. | 89 | 29 | 31 | 29 | 0 | 0 |
|    |             | 2018 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Thạch Tân.  | 88 | 29 | 30 | 28 | 1 | 0 |
|    |             | 2019 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Thạch Định.   | 87 | 29 | 29 | 27 | 2 | 0 |
|    |             | 2020 |   | 87 | 29 | 29 | 27 | 2 | 0 |
| 11 | Cẩm Thủy    | 2015 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Phúc Dó.  | 61 | 20 | 20 | 20 | 1 | 0 |
|    |             | 2016 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Cẩm Tâm.  | 60 | 20 | 19 | 19 | 2 | 0 |
|    |             | 2017 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Cẩm Lương.  | 59 | 20 | 18 | 18 | 3 | 0 |
|    |             | 2018 |   | 59 | 20 | 18 | 18 | 3 | 0 |
|    |             | 2019 |   | 59 | 20 | 18 | 18 | 3 | 0 |
|    |             | 2020 |   | 59 | 20 | 18 | 18 | 3 | 0 |
| 12 | Vĩnh Lộc    | 2015 |   | 49 | 16 | 17 | 16 | 0 | 0 |

|    |           |      |  |     |    |    |    |   |   |
|----|-----------|------|--|-----|----|----|----|---|---|
|    |           | 2016 |  | 49  | 16 | 17 | 16 | 0 | 0 |
|    |           | 2017 | - Sáp nhập trường tiểu học trên cùng địa bàn xã: Vĩnh Long 1 với Vĩnh Long 2.<br>- Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Vĩnh Khang.                   | 47  | 16 | 15 | 15 | 1 | 0 |
|    |           | 2018 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Vĩnh Tiến, Vĩnh Tân.   | 45  | 16 | 13 | 13 | 3 | 0 |
|    |           | 2019 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Vĩnh Minh.   | 45  | 16 | 13 | 13 | 3 | 0 |
|    |           | 2020 |  | 45  | 16 | 13 | 13 | 3 | 0 |
| 13 | Yên Định  | 2015 | - Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn 3 gồm: Định Long, Yên Bái, Yên Ninh.<br>- Sáp nhập hai trường Tiểu học trên cùng địa bàn Quý Lộc 1 với Quý Lộc 2. | 85  | 29 | 26 | 26 | 3 | 1 |
|    |           | 2016 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Yên Phú, Định Công  | 83  | 29 | 24 | 24 | 5 | 1 |
|    |           | 2017 |  | 83  | 29 | 24 | 24 | 5 | 1 |
|    |           | 2018 |  | 83  | 29 | 24 | 24 | 5 | 1 |
|    |           | 2019 |  | 83  | 29 | 24 | 24 | 5 | 1 |
|    |           | 2020 |  | 83  | 29 | 24 | 24 | 5 | 1 |
| 14 | Thiệu Hoá | 2015 |  | 84  | 28 | 28 | 28 | 0 | 0 |
|    |           | 2016 | Sáp nhập trường THCS liên xã Thiệu Tân với Thiệu Châu  | 83  | 28 | 28 | 27 | 0 | 0 |
|    |           | 2017 | Sáp nhập trường THCS liên xã Thiệu Quang với Thiệu Thịnh   | 82  | 28 | 28 | 26 | 0 | 0 |
|    |           | 2018 | Sáp nhập trường THCS liên xã, gồm Thiệu Lý với Thiệu Viên, Thiệu Ngọc với Thiệu Vũ.  | 80  | 28 | 28 | 24 | 0 | 0 |
|    |           | 2019 | Sáp nhập trường THCS liên xã Thiệu Toán với Thiệu Minh.  | 79  | 28 | 28 | 23 | 0 | 0 |
|    |           | 2020 | Sáp nhập trường THCS liên xã Thiệu Thành với Thiệu Phúc  | 78  | 28 | 28 | 22 | 0 | 0 |
| 15 | Triệu Sơn | 2015 |  | 111 | 36 | 38 | 36 | 0 | 1 |

|    |          |      |   |     |    |    |    |   |   |
|----|----------|------|---|-----|----|----|----|---|---|
|    |          | 2016 | Sáp nhập hai trường Tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm: Dân Quyền A với Dân Quyền B   | 110 | 36 | 37 | 36 | 0 | 1 |
|    |          | 2017 | Sáp nhập trường Tiểu học trên cùng địa bàn xã Thọ Bình A với Thọ Bình B.  | 109 | 36 | 36 | 36 | 0 | 1 |
|    |          | 2018 | Sáp nhập trường THCS liên xã An Nông với Minh Châu.   | 108 | 36 | 36 | 35 | 0 | 1 |
|    |          | 2019 | Sáp nhập trường THCS liên xã Xuân Lộc với Xuân Thịnh.   | 71  |    | 36 | 34 | 0 | 1 |
|    |          | 2020 | Sáp nhập trường THCS liên xã Minh Dân với Thị Trấn  | 106 | 36 | 36 | 33 | 0 | 1 |
| 16 | Thọ Xuân | 2015 |   | 125 | 42 | 41 | 42 | 0 | 0 |
|    |          | 2016 |   | 125 | 42 | 41 | 42 | 0 | 0 |
|    |          | 2017 | Sáp nhập trường THCS liên xã, gồm Xuân Lập với Thọ Thắng.   | 124 | 42 | 41 | 41 | 0 | 0 |
|    |          | 2018 |   | 124 | 42 | 41 | 41 | 0 | 0 |
|    |          | 2019 |   | 124 | 42 | 41 | 41 | 0 | 0 |
|    |          | 2020 |   | 124 | 42 | 41 | 41 | 0 | 0 |
| 17 | Đông Sơn | 2015 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn 02 xã, gồm: Đông Minh, Đông Hoàng.   | 44  | 16 | 12 | 10 | 5 | 1 |
|    |          | 2016 | - Sáp nhập hai trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, gồm: Đông Tiến A với Đông Tiến B.<br>- Sáp nhập trường THCS liên xã Đông Lĩnh với Đông Tân | 42  | 16 | 11 | 9  | 5 | 1 |
|    |          | 2017 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Đông Nam, Đông Quang   | 40  | 16 | 9  | 7  | 7 | 1 |
|    |          | 2018 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Đông Văn, Đông Thịnh.  | 38  | 16 | 7  | 5  | 9 | 1 |
|    |          | 2019 | Sáp nhập trường THCS liên xã Đông Thanh với Đông Tiến, Đông Hoà với Đông Yên.   | 36  | 16 | 7  | 3  | 9 | 1 |
|    |          | 2020 |   | 36  | 16 | 7  | 3  | 9 | 1 |
| 18 | Hà Trung | 2015 |   | 78  | 25 | 29 | 24 | 0 | 0 |

|    |             |      |   |     |    |    |    |   |   |
|----|-------------|------|---|-----|----|----|----|---|---|
|    |             | 2016 | - Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Hà Giang;<br>- Sáp nhập trường THCS liên xã Hà Dương với Hà Vân.                      | 76  | 25 | 28 | 22 | 1 | 0 |
|    |             | 2017 | - Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Hà Tân, Hà Thanh, Hà Ngọc.<br>- Sáp nhập trường THCS liên xã Hà Thái với Hà Lai. | 72  | 25 | 25 | 18 | 4 | 0 |
|    |             | 2018 |   | 72  | 25 | 25 | 18 | 4 | 0 |
|    |             | 2019 |   | 72  | 25 | 25 | 18 | 4 | 0 |
|    |             | 2020 |   | 72  | 25 | 25 | 18 | 4 | 0 |
| 19 | Nông Cống   | 2015 |   | 103 | 34 | 36 | 33 | 0 | 0 |
|    |             | 2016 |   | 103 | 34 | 36 | 33 | 0 | 0 |
|    |             | 2017 | Sáp nhập hai trường Tiểu học Minh Thọ với Tiểu học Thị trấn.  | 102 | 34 | 35 | 33 | 0 | 0 |
|    |             | 2018 | Sáp nhập trường Tiểu học Công Liêm 1 với Công Liêm 2 trên cùng địa bàn xã.  | 101 | 34 | 34 | 33 | 0 | 0 |
|    |             | 2019 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Tế Tân.   | 100 | 34 | 33 | 32 | 1 | 0 |
|    |             | 2020 | Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Trường Minh.  | 99  | 34 | 32 | 31 | 2 | 0 |
| 20 | Quảng Xương | 2015 |   | 110 | 36 | 37 | 37 | 0 | 0 |
|    |             | 2016 | Sáp nhập trường THCS liên xã Quảng Lĩnh với Quảng Bình.   | 109 | 36 | 37 | 36 | 0 | 0 |
|    |             | 2017 | Sáp nhập trường THCS liên xã Quảng Định với Quảng Đức; Quảng Tân với Thị trấn.  | 107 | 36 | 37 | 34 | 0 | 0 |
|    |             | 2018 | Sáp nhập trường THCS liên xã Quảng Vọng với Quảng Phúc; Quảng Khê với Quảng Trường; Quảng Yên với Quảng Trạch; Quảng Văn với Quảng Long.          | 103 | 36 | 37 | 30 | 0 | 0 |
|    |             | 2019 | Sáp nhập trường THCS liên xã Quảng Hoà với Quảng Hợp.   | 102 | 36 | 37 | 29 | 0 | 0 |

|      |  |     |    |    |    |    |   |
|------|--|-----|----|----|----|----|---|
| 2020 | Sắp nhập trường THCS liên xã Quảng Ninh với Quảng Phong, Quảng Hùng với Quảng Minh   | 100 | 36 | 37 | 37 | 27 | 0 |
| 2015 |  | 106 | 34 | 37 | 34 | 0  | 1 |
| 2016 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm: Triều Dương, Định Hải, Hải Yên.  | 103 | 34 | 34 | 31 | 3  | 1 |
| 2017 |  | 103 | 34 | 34 | 31 | 3  | 1 |
| 2018 |  | 103 | 34 | 34 | 31 | 3  | 1 |
| 2019 |  | 103 | 34 | 34 | 31 | 3  | 1 |
| 2020 |  | 103 | 34 | 34 | 31 | 3  | 1 |
| 2015 |  | 129 | 43 | 43 | 42 | 1  | 0 |
| 2016 | - Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Hoàng Minh<br>- Sắp nhập Tiểu học Ngọc Đình và Tiểu học Hoàng Hà.              | 127 | 43 | 41 | 41 | 2  | 0 |
| 2017 | - Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn các xã, gồm Hoàng Sơn, Hoàng Lương;<br>- Ghép THPT Lê Việt Tảo với THCS Hoàng Đảo | 125 | 43 | 39 | 38 | 4  | 1 |
| 2018 | - Ghép trường tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Hoàng Khánh, Hoàng Khê  | 124 | 43 | 37 | 36 | 7  | 1 |
| 2019 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Hoàng Xuyên, Hoàng Xuân.   | 122 | 43 | 35 | 34 | 9  | 1 |
| 2020 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn các xã Hoàng Phúc, Hoàng Đông.  | 120 | 43 | 33 | 32 | 11 | 1 |
| 2015 |  | 85  | 27 | 30 | 28 | 0  | 0 |
| 2016 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm: Phong Lộc, Châu Lộc  | 83  | 27 | 28 | 26 | 2  | 0 |
| 2017 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Mỹ Lộc, Thị Trấn.   | 81  | 27 | 26 | 24 | 4  | 0 |

|    |         |      |  |    |    |    |    |    |   |
|----|---------|------|--|----|----|----|----|----|---|
|    |         | 2018 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Thuận Lộc, Văn Lộc, Thịnh Lộc | 78 | 27 | 23 | 21 | 7  | 0 |
|    |         | 2019 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã, gồm Quang Lộc, Xuân Lộc, Liên Lộc | 75 | 27 | 20 | 18 | 10 | 0 |
|    |         | 2020 | Ghép trường Tiểu học với trường THCS trên cùng địa bàn xã Hoa Lộc, Lộc Sơn, Tuy Lộc          | 72 | 27 | 17 | 15 | 13 | 0 |
| 24 | Nga Sơn | 2015 |  | 83 | 27 | 29 | 27 | 0  | 0 |
|    |         | 2016 | Sáp nhập trường THCS liên xã, gồm Nga Thắng với Nga Lĩnh, Nga Thiện với Nga Giáp             | 81 | 27 | 29 | 25 | 0  | 0 |
|    |         | 2017 | Sáp nhập trường THCS liên xã Nga Thành với Nga Hải.  | 80 | 27 | 29 | 24 | 0  | 0 |
|    |         | 2018 | Sáp nhập trường THCS liên xã Nga Thanh với Nga Yên, Nga Vịnh với Ba Đình.                    | 78 | 27 | 29 | 22 | 0  | 0 |
|    |         | 2019 |  | 78 | 27 | 29 | 22 | 0  | 0 |
|    |         | 2020 | Sáp nhập trường THCS liên xã Nga Thạch với Nga Nhân.   | 77 | 27 | 29 | 21 | 0  | 0 |
| 25 | Sầm Sơn | 2015 |  | 18 | 6  | 7  | 5  | 0  | 0 |
|    |         | 2016 |  | 18 | 6  | 7  | 5  | 0  | 0 |
|    |         | 2017 |  | 18 | 6  | 7  | 5  | 0  | 0 |
|    |         | 2018 |  | 18 | 6  | 7  | 5  | 0  | 0 |
|    |         | 2019 |  | 18 | 6  | 7  | 5  | 0  | 0 |
|    |         | 2020 |  | 18 | 6  | 7  | 5  | 0  | 0 |
| 26 | Bim Sơn | 2015 |  | 25 | 10 | 8  | 7  | 0  | 0 |
|    |         | 2016 |  | 25 | 10 | 8  | 7  | 0  | 0 |
|    |         | 2017 |  | 25 | 10 | 8  | 7  | 0  | 0 |
|    |         | 2018 |  | 25 | 10 | 8  | 7  | 0  | 0 |
|    |         | 2019 |  | 25 | 10 | 8  | 7  | 0  | 0 |
|    |         | 2020 |  | 25 | 10 | 8  | 7  | 0  | 0 |

|    |              |      |  |     |    |    |    |   |   |
|----|--------------|------|--|-----|----|----|----|---|---|
| 27 | TP Thanh Hoá | 2015 |  | 129 | 48 | 44 | 37 | 0 | 0 |
|    |              | 2016 |  | 129 | 48 | 44 | 37 | 0 | 0 |
|    |              | 2017 |  | 129 | 48 | 44 | 37 | 0 | 0 |
|    |              | 2018 |  | 129 | 48 | 44 | 37 | 0 | 0 |
|    |              | 2019 |  | 129 | 48 | 44 | 37 | 0 | 0 |
|    |              | 2020 |  | 129 | 48 | 44 | 37 | 0 | 0 |

Số: /2015/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng 7 năm 2015

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về Đề án Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  
**Khóa XVI, kỳ họp thứ 13.**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật số 44/2009/QH12 ngày 04/12/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2014/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 31/12/2014 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Sau khi xem xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...../..../ 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua Đề án Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra số /VHXH- HĐND ngày ..../.../2015 của Ban Văn hóa- xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...../..../2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua Đề án “Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học hiện có tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020” (có Đề án kèm theo), với những nội dung cơ bản sau:

**1. Mục tiêu**

Sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm



bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực, cơ sở vật chất đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

## **2. Định hướng và lộ trình thực hiện đến năm 2020.**

### **2.1. Định hướng**

- Phải căn cứ vào số lượng học sinh, số lớp của các trường học nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và cơ sở vật chất hiện có; khuyến khích sắp xếp theo hướng trường có nhiều cấp học, không quá chú trọng về địa giới hành chính;

- Đối với trường học ở khu vực miền núi, việc sắp xếp phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm dân cư, phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc và điều kiện của địa phương;

- Đối với bậc giáo dục mầm non: Ổn định mạng lưới trường mầm non như hiện nay, đáp ứng mỗi xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) bố trí 01 trường mầm non công lập;

- Đối với bậc giáo dục tiểu học: Mỗi xã bố trí 01 trường công lập có từ 10 lớp trở lên; các trường có dưới 10 lớp thì xem xét ghép với trường THCS trên cùng địa bàn xã; các xã có 02 đến 03 trường tiểu học thì xem xét sáp nhập thành một trường, nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên... và thuận lợi nhất cho học sinh đi học;

- Đối với bậc trung học cơ sở: Giữ ổn định như hiện nay đối với các trường có quy mô từ 08 lớp trở lên; các trường có quy mô dưới 8 lớp xem xét để ghép với trường tiểu học trên cùng địa bàn xã, hoặc có thể xem xét sáp nhập theo mô hình liên xã đối với những nơi có điều kiện thuận lợi và được sự đồng thuận của nhân dân;

### **2.2. Lộ trình thực hiện.**

Trên cơ sở định hướng và tình hình thực tiễn trường, lớp của các địa phương, UBND tỉnh xác định lộ trình sắp xếp các trường mầm non, phổ thông hiện có đến năm 2020 như sau:

a) Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học:

Đến năm 2020 tổng số trường học từ bậc mầm non đến bậc trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh còn 1898 trường, giảm 122 trường so với năm 2014, cụ thể là: Trường mầm non 659 (giữ nguyên), trường tiểu học 616 (giảm 92 trường), trường THCS 543 (giảm 90 trường), trường tiểu học và trung học cơ sở 73 trường (tăng 59 trường), trường THCS&THPT 07 trường (tăng 01 trường).

Số lượng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn toàn tỉnh được sắp xếp theo lộ trình hàng năm như sau:

| Năm<br>Loại trường | Số lượng các trường mầm non, phổ thông sắp xếp theo năm |             |             |             |             |             |
|--------------------|---|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                    | Năm 2015  | Năm 2016    | Năm 2017    | Năm 2018    | Năm 2019    | Năm 2020    |
| Mầm non            | 659   | 659         | 659         | 659         | 659         | 659         |
| Tiểu học           | 699   | 678         | 656         | 641         | 631         | 616         |
| THCS               | 627   | 611         | 591         | 571         | 558         | 543         |
| TH&THCS            | 20  | 30          | 43          | 55          | 63          | 73          |
| THCS&THPT          | 06  | 06          | 06          | 07          | 07          | 07          |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>2011</b>   | <b>1984</b> | <b>1955</b> | <b>1933</b> | <b>1918</b> | <b>1898</b> |

(Chi tiết việc ghép hoặc sáp nhập và số lượng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học của huyện, thị xã, thành phố đến năm 2020 tại phụ lục của Đề án)

b) Đối với các trường trung học phổ thông: Hiện nay, toàn tỉnh có 101 trường THPT; một số huyện, thị xã, thành phố có số lượng trường THPT lớn, khoảng cách gần nhau; một số trường THPT bán công trước đây chuyển sang công lập, việc đầu tư cơ sở vật chất chưa đồng bộ theo chuẩn quốc gia.

Để sắp xếp lại các trường THPT một cách hợp lý, phù hợp với tình hình của từng địa phương; đồng thời tập trung được nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh đồng ý chủ trương giao cho UBND tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp các trường THPT hiện có trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trình HĐND tỉnh vào kỳ họp tới.

### 3. Các giải pháp thực hiện

Để triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án, UBND tỉnh chỉ đạo tập trung làm tốt các giải pháp trọng tâm sau:

- Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và phụ huynh học sinh;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, các cấp tăng cường công tác quản lý giáo dục, nhất là các hoạt động chuyên môn tại các nhà trường, đặc biệt là các trường mới ghép có nhiều cấp học hoặc sáp nhập liên xã để nâng cao chất lượng giáo dục:

+ Đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở mới ghép hoặc sáp nhập nếu chưa đảm bảo điều kiện cho việc học tập trung tại một địa điểm thì vẫn tiến hành dạy học ở các địa điểm cũ, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy, đảm bảo đủ số môn, số tiết học theo quy định;

+ Đối với các trường THCS ghép với các trường THPT: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện bố trí, điều tiết đội ngũ giáo viên của các nhà trường theo quy định của pháp luật, đảm bảo đủ giáo viên đối với từng bộ môn; tránh tình trạng thừa, thiếu về cơ cấu;

- Tiếp tục sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính giữa các nhà trường trong từng cấp học theo Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục;

- Tăng cường quản lý, sử dụng nhằm phát huy hiệu quả cao nhất cơ sở vật chất đã được đầu tư cho ngành giáo dục, theo hướng:

+ Đối với những xã có 2 trường tiểu học hoặc trường tiểu học không sử dụng hết số phòng học, có thể bố trí để trường mầm non sử dụng;

+ Hạn chế việc huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng mới. Đối với một số trường THPT đã có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh nhưng chưa triển khai thực hiện, nay tạm dừng xây dựng;

+ Đối với các trường sáp nhập hoặc ghép đã có một cấp học đạt chuẩn quốc gia, các cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục quan tâm đầu tư bổ sung, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị để cấp học còn lại được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh căn cứ các quy định của pháp luật và Nghị quyết này chỉ đạo các sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện của các cấp các ngành và các địa phương trong tỉnh và định kỳ báo cáo HĐND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Thường trực HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày ... tháng 7 năm 2015./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**